

JIDDU KRISHNAMURTI VÀ TRIẾT LÝ NHÂN SINH

LÊ CÔNG SỰ^(*)

Jiddu Krishnamurti sinh ngày 12 tháng 5 năm 1895 trong gia đình theo Bà La môn giáo tại một thị trấn nhỏ thuộc tỉnh Madanapalle, vùng Andhra Pradesh (Ấn Độ). Thân phụ ông là Sanjeevamma Jiddu, một viên chức làm việc cho chính quyền Anh, sau đó bị mất việc và lâm vào tình trạng túng thiếu với chín người con thơ dại sau khi người vợ qua sớm qua đời. Krishnamurti là con thứ tám trong gia đình, cậu có tính cả thẹn và tâm hồn mơ mộng, không quen làm những công việc nặng nhọc. Khi gia đình dời đến ở vùng Adyar, cậu bé Krishnamurti cùng với em trai út là Nityananda thường lang thang trên các bờ sông, nơi con sông Adyar nối liền với vịnh Bengal gần Madras (nay là Chennai). Tại đây, năm 1908, như định mệnh đã an bài, một nhân viên của thư viện Trung ương *Hội Thông thiên học* ^(**) (Theosophical society) đã chú ý đến hai đứa bé và giới thiệu chúng với vị chủ tịch hội lúc đó là Tiến sĩ Annie Beasant - một phụ nữ

lừng danh thế giới. Bằng trực giác nghề nghiệp, bà Annie Beasant và người phụ tá là ông C.W. Leadbeater cảm thấy có một cái gì đó trọng đại giống như là sự hiện thân của Đức Jesus Christ trong cậu bé Krishnamurti. Được sự đồng ý của thân phụ hai đứa bé, bà nhận nuôi dạy chúng theo mục đích định trước.

Để chuẩn bị cho việc thành lập *Hội Ngôi Sao Phương Đông* (Order of the Star in the East) mà Krishnamurti sẽ được chọn làm người đứng đầu với tư cách là nhà tiên tri hay bậc Đạo Sư (The World Teacher), năm 1911, bà Annie Beasant đã bí mật đưa Krishnamurti (cùng em trai) sang Anh giáo dục một cách biệt lập, rồi gửi sang Đại học Sorbonne học tiếng Pháp và tiếng Sanskrit (Phạn). Tại đây, Krishnamurti được mệnh danh là “ông Hoàng nhỏ”, chàng sinh viên rất thích đọc các tác phẩm của Shelley, Dostoyevsky và Nietzsche. Sau khi tốt nghiệp đại học, Krishnamurti cùng người em trai đi du lịch khắp các quốc gia châu Âu, châu Mỹ, châu Úc. Phong cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp tại Ojai Valley (California) đã cuốn hút, làm thay đổi tâm tư tình cảm và tạo nên một “*life-changing*” trong con

(**)Hội này do bà H. P. Blavatsky thành lập năm 1875 nhằm mục đích phổ cập các giáo lý trên toàn thế giới. Cơ sở lý luận của của hội dựa trên Thuyết thần trí (Theosophy) - lý thuyết cho rằng, con người có thể hướng tới sự hiểu biết trực tiếp về Chúa Trời bằng suy ngẫm, cầu nguyện.

(*) TS., giảng viên triết học, Đại học Hà Nội.

người Krishnamurti, chàng quyết định dừng chân, cư trú tại đây^(*).



Năm 1925, người em trai bao năm chung sống với ông qua đời vì bệnh tật, sự mất mát lớn lao này đã tạo nên một cú sốc tinh thần và làm thay đổi toàn bộ nhận thức, thái

độ sống, lập trường tư tưởng của Krishnamurti. Từ đó, ông bắt đầu chứng nghiệm (experiencing), thấu hiểu (understanding), cảm ngộ (discerning) cuộc sống một cách đích thực và hình thành niềm tin mãnh liệt vào Thuyết thần bí. Với tâm thức “không còn Krishnamurti nữa, dòng sông đã đi vào biển cả rồi” (4, tr.7), ông bắt đầu viết và phát ngôn những lời giáo huấn thâm trầm, cao siêu nhưng cũng không kém phần thực tế giống như các Bậc Đạo Sư trong quá khứ (Khổng tử, Lão tử, Đức Phật, Đức Chúa Jesus). Ông lần lượt cho xuất bản các tác phẩm và trở nên nổi tiếng khắp thế giới, được đông đảo công chúng hâm mộ, tôn sùng như một Thánh nhân. Ở Trichinopoly người ta trải thảm dày với hoa lài và hoa hồng trên một toa xe lửa để đón ông, tại Hà Lan, ông được tặng một toà lâu đài với một điền sản năm ngàn mẫu đất, nhưng ông đã khôn khéo khước từ. Với luận điểm: “Chân lý là một lục địa không có đường vào” (Truth is a pathless land), ông đồng thời khước từ luôn cả chức Chủ tịch hội Thông thiên học – tổ chức

đã dày công đào tạo ông với chủ đích đặt trước cho ông để trở thành một Đạo Sư tự do thuyết giáo và thuyết giáo cho tự do. “Mục đích của tôi - Krishnamurti viết - là làm cho mọi người tự do vô điều kiện... Do đấy tôi muốn giải thoát con người được tự do, vui thích tung tăng như con chim trong bầu trời quang đãng, không bị nặng nề ứ đọng, độc lập ngay ngất trong niềm tự do ấy” (1, tr.24).

Những năm 30-40, Krishnamurti đi diễn thuyết khắp châu Âu, châu Mỹ Latinh, Australia và Mỹ, đến đâu ông cũng được đông đảo công chúng nhiệt liệt đón chào và lắng nghe một cách tôn kính. Khi bắt đầu diễn ra Chiến tranh thế giới thứ Hai, Krishnamurti nhiều lần lên án chiến tranh và chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa sô vanh. Ông hết lòng ủng hộ hoà bình, do vậy bị FBI (Cục điều tra Liên bang Mỹ) dò la, kiểm soát. Không thể diễn thuyết trước công chúng, ông đành phải sống bốn năm (1940 - 1944) tĩnh lặng tại Arya Vihara. Sau chiến tranh, ông tiếp tục đi diễn thuyết vòng quanh thế giới, đối thoại với công chúng, gặp gỡ các chính trị gia nổi tiếng Ấn Độ, chủ trì các buổi tranh luận, hội thảo về vấn đề triết lý nhân sinh, mà trọng tâm là trả lời câu hỏi: làm gì và làm như thế nào để nhân loại có thể chung sống hoà bình dựa trên tình thương yêu và hợp tác? Là một hiền triết phương Đông, Krishnamurti kế thừa tư tưởng bất bạo động của đại văn hào Nga - Lev Tonstov và các “Thánh nhân” Ấn Độ như Tagore, Gandhi. Lời diễn thuyết sau của ông được coi như một bức thông điệp hoà bình gửi hậu thế muôn đời: “Để có hoà bình, ta phải dùng đến phương tiện hoà bình, vì nếu phương tiện là bạo động, làm thế nào mục đích lại có thể hoà

(*) Hiện nay ở đây, có nhiều di tích liên quan đến cuộc đời của Krishnamurti như thư viện, trường học, bảo tàng.

bình được? Nếu mục đích là tự do, thì khởi đầu phải là tự do, bởi vì cuối cùng và đầu tiên là một” (3, tr.71).

Do những cố gắng không mệt mỏi trong cuộc đấu tranh vì một thế giới hoà bình, không bạo lực, khổ đau và thù hận, một thế giới mà trong đó mọi người đối xử với nhau một cách bình đẳng dựa trên sự đồng cảm, tình yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, nên năm 1984, ông được Liên Hợp Quốc tặng thưởng “Huân chương hoà bình” (Peace medal). Tuy tuổi cao, sức yếu, song Krishnamurti vẫn quyết định trở về thăm quê hương Ấn Độ vào tháng 11/1985 - nhưng chẳng ai ngờ đó là cuộc diễn thuyết lần cuối của ông trước công chúng. Ngày 17/2/1986 tại nhà riêng ở Ojai Valley, triết gia lữ hành - người suốt đời không mệt mỏi lang thang khắp thế giới nói chuyện với mọi tầng lớp con người, kêu gọi họ quay lại chính mình nhằm khám phá chân-thiện-mỹ, đem lại hạnh phúc chân chính không có khổ đau, xung đột, đã trút hơi thở cuối cùng vì căn bệnh ung thư tuyến tụy. Theo ước nguyện của Krishnamurti, thi hài ông được hoá thiêu, chia thành nhiều phần nhỏ gửi tặng bạn bè và các hiệp hội ở ba Quốc gia (Ấn Độ, Anh và Mỹ) – những nơi ông đã từng sống và cống hiến phần lớn cuộc đời mình. Những lời diễn thuyết, bài viết, đối thoại, thư từ, nhật ký của ông được lưu giữ trong 60 quyển sách và hàng trăm băng đĩa^(*).

Krishnamurti là người diễn thuyết đầy sức thuyết phục về tự do, hoà bình, phát ngôn viên nổi tiếng thế giới về triết lý nhân sinh (giáo dục, cuộc sống, niềm tin, chân lý, nỗi buồn, tự do, cái chết,...). trong những năm giữa thế kỷ XX. Tuy nhiên, ở Việt Nam vì nhiều lý do nên tư tưởng của ông vừa mới được truyền bá vào những năm đầu thế kỷ XXI. Trong khuôn khổ một bài viết giới thiệu chân dung, chúng tôi không có tham vọng trình bày toàn bộ tư tưởng của triết gia này, mà chỉ giới thiệu một cách tổng quát quan niệm của ông về triết lý nhân sinh, trong đó trọng tâm là vấn đề giáo dục.

Sinh ra, lớn lên ở Ấn Độ - đất nước có bề dày văn hoá và nền triết lý thâm trầm phương Đông, lại được thừa hưởng nền giáo dục của các quốc gia vốn là trung tâm văn hoá phương Tây, Krishnamurti đã tích hợp (intergration) được những tinh hoa của cả hai nền văn hoá Đông - Tây. Tuy vậy, tư tưởng của ông vẫn nặng về truyền thống Ấn Độ - một thứ triết lý chuyên sâu về cuộc sống con người và đời sống nội tâm của nó. Triết lý hiện sinh của Krishnamurti dựa trên quan niệm coi thời gian như một dòng chảy không ngừng từ quá khứ, qua hiện tại, tới tương lai, trong đó ông đặc biệt quan tâm đến thời hiện tại. Ông viết: “Cái hiện tại là toàn thể thời gian; trong hạt giống của hiện tại có quá khứ và tương lai; quá khứ là hiện tại và tương lai cũng là hiện tại. Hiện tại là cái vĩnh cửu, phi thời gian, cái bây giờ đây, như một hành lang dẫn từ quá khứ đến tương lai” (1, tr.120). Trong cái hiện tại đó của thời gian vô thủy, vô chung, con người tiếp nhận, đối diện và ứng xử với một cuộc sống mà theo cách nhìn của Krishnamurti thì nó “là vẻ đẹp, đau khổ, niềm vui và sự rối loạn; nó là cây

^(*) Trong đó nổi tiếng là các tác phẩm: Tự do khỏi tri thức (Freedom from the Known); Đường vào hiện sinh (Commentaries on Living); Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống (Education and the Significance of Life); Khai sáng trí năng (The Awakening of Intelligence); Tự do đầu tiên và cuối cùng (The First and Last Freedom)...

cỏ, chim chóc và ánh sáng của vầng trăng trên mặt nước; nó là việc làm và hy vọng; nó là cái chết, là sự tìm kiếm bất tử, là niềm tin vào cái tối thượng; nó là thiện tâm, ghét và ghen; nó là tham lam và cao thượng; là tình yêu và sự thiếu vắng yêu thương; nó là óc sáng tạo và khả năng khai thác máy móc; nó là sự ngất ngây xuất thần không lường được; nó là tâm trí; người tham phiến và sự tham phiến” (4, tr.186).

Tại sao Krishnamurti lại quá quan tâm đến triết lý hiện sinh đến vậy? Điều này có cả nguyên do lý luận và thực tiễn. Về phương diện lý luận, ông chịu ảnh hưởng nhiều từ triết lý Phật giáo (Buddhism) truyền thống và chủ nghĩa Hiện sinh (Existentialism) hiện đại; về phương diện thực tiễn, đời sống con người phương Tây nơi ông đang sống và làm việc. Ở đó cuộc sống diễn ra với một nhịp độ nhanh, người ta đang cố gắng làm việc hết mình để thoả mãn những khát vọng sống^(*), bên cạnh đó họ cũng biết lợi dụng thời cơ tận hưởng những gì mà cuộc sống ban tặng. Một cuộc sống cường độ cao, quan hệ xã hội đa dạng, sinh hoạt vật chất và tinh thần phong phú như vậy là nguyên do cơ bản dẫn con người tới những bất ổn về mặt tinh thần. Và Krishnamurti mong muốn trở thành người tư vấn đa chiều (sức khoẻ, tâm-sinh lý, tâm linh, chính trị, giáo dục,...) cho những ca bệnh tinh thần đó. Tác phẩm “Đường vào hiện sinh” (Commentaries on living) tập hợp 57 bài viết về nhiều chủ đề khác nhau, phản ánh đời sống đa dạng con người, nhưng chung quy đều thể hiện sự lo lắng của ông về một xã hội hiện đại đầy sự tham phiến, cám dỗ và bất ổn. “Xã

hội luôn ở trong một tình trạng suy thoái - ông viết - Không hề có một xã hội toàn hảo bao giờ. Xã hội toàn hảo chỉ có trong lý thuyết mà thôi, chứ không có trong thực tế. Xã hội vốn dựa trên tương giao của con người, bị thúc đẩy bởi ghen tỵ, chiếm hữu, niềm vui và phù phiếm, sự theo đuổi quyền hành,...” (4, tr.125).

Để ứng xử với một cuộc sống muôn màu, muôn vẻ và một xã hội không hoàn thiện về mặt thực tế như vậy, theo Krishnamurti, con người không còn cách nào khác hơn là nhận thức đúng cuộc sống, tĩnh tâm và trên hết là phải có một tình yêu thương. “Khi bạn yêu thì mọi việc sẽ tốt đẹp. Tình yêu có hành động riêng của nó. Hãy yêu thương và bạn biết được phúc lành của nó. Hãy yêu thương thì sẽ có sự thấu hiểu, tỏ thông” (4, tr.366). Theo logic của ông, để tình yêu thương trở thành hiện thực, con người phải loại bỏ lòng thù hận, bởi vì “thế giới không thể được làm tốt đẹp hơn bằng căm thù và ghen ghét.... Hận thù chỉ có thể sinh ra hận thù thêm mà thôi, và một xã hội dựa trên hận thù, ghen tỵ, một xã hội mà trong đó có những nhóm đấu tranh, mỗi nhóm bảo vệ quyền lợi riêng của nó - một xã hội như thế sẽ luôn ở trong tình trạng xung đột chiến tranh bên trong chính nó, và vì thế xung đột chiến tranh với những xã hội khác” (4, tr.202-203). Đến lượt mình, lòng thù hận chỉ có thể loại bỏ được bằng một nền giáo dục lấy chủ nghĩa nhân văn làm chỗ dựa - tác phẩm “Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống” (Education and the significance of life) của ông đã lý giải điều này.

Nhìn thấy tính chất phân ly, siêu hình của nền giáo dục hiện đại, một nền “giáo dục có rất ít ý nghĩa, trừ phi trong việc học một nghề hay một kỹ thuật đặc

(*) Cái mà trong triết lý Phật giáo gọi là “Tham”.

biệt nào đó” (3, tr.7), Krishnamurti đã nêu ý tưởng cho rằng, phương châm giáo dục phải bắt nguồn từ cuộc sống và hướng tới cuộc sống hiện thực sinh động, nội dung giáo dục phải phản ánh bằng được ý nghĩa đích thực của cuộc sống hiện thời. “Để phát sinh nền giáo dục thích đáng - Krishnamurti viết - hiển nhiên chúng ta phải hiểu biết ý nghĩa cuộc sống như một toàn thể, và do vậy, chúng ta cần phải suy tưởng, không phải một cách cứng nhắc giáo điều, mà là một cách trực tiếp và thực sự” (3, tr.11). Chính vì vậy, “chỉ khi nào chúng ta bắt đầu hiểu biết ý nghĩa sâu xa của cuộc sống con người thì khi ấy mới có thể có giáo dục thực sự” (3, tr.105). Trên bình diện thực tế, chúng ta dễ dàng nhận thấy, ý nghĩa cuộc sống dường như có giá trị như nhau ở mọi quốc gia, mọi dân tộc, mọi thời đại; bởi vì cuộc sống hoàn toàn bình đẳng đối với mọi người, nên giáo dục đúng theo nghĩa của từ này^(*), cũng cần phải mang tính phổ quát toàn nhân loại. Xuất phát từ quan niệm đó, Krishnamurti đề xuất ý kiến cho rằng, “giáo dục sẽ giúp chúng ta khám phá ra những giá trị muôn đời... sẽ giúp chúng ta phá vỡ những hàng rào quốc gia và xã hội, bởi vì những hàng rào ấy làm phát sinh sự tương phản giữa người và người... Mục đích của giáo dục không chỉ đào tạo những học giả, những kỹ thuật gia và những kẻ sẵn việc, mà còn là những nam nữ công dân toàn vẹn, bởi vì chỉ có giữa những con người như vậy mới có một nền hoà bình vĩnh cửu” (3, tr.12-13).

Là nhân chứng lịch sử “mục sở thị” trọn vẹn hai cuộc chiến tranh thế giới và

các cuộc chiến tranh cục bộ, đồng thời chứng kiến cuộc khủng hoảng khoa học công nghệ trong thế giới hiện đại - một nền khoa học công nghệ đã tạo nên rất nhiều tiện ích và giá trị vật chất, nhưng cũng mang đến không ít nỗi bất hạnh cho loài người, Krishnamurti có cơ sở thực tiễn để khẳng định: “Nền giáo dục hiện thời đã hoàn toàn thất bại vì nó quá nhấn mạnh vào kỹ thuật. Trong việc quá nhấn mạnh vào kỹ thuật, chúng ta đã huỷ diệt con người. Trau dồi tài năng và hiệu quả mà không hiểu biết cuộc sống, không có một tri giác bao quát những thể cách của tư tưởng và khát vọng, sẽ làm cho chúng ta gia tăng thêm sự tàn nhẫn vô tình, mà đó là điều đã đưa đến những cuộc chiến tranh và làm nguy hiểm cho sự an toàn thể xác chúng ta” (3, tr.17). Đó là một sự thật đau lòng, một thất bại lớn lao của nền giáo dục hiện đại. Sự thất bại này có nguyên nhân “sai lầm từ gốc, trong cách thức chúng ta nuôi dạy con em mình” và cách thức giáo dục sai lầm này, theo Krishnamurti, có cội nguồn sâu xa từ:

Thứ nhất, chúng ta quá nhấn mạnh yếu tố dạy nghề, truyền thụ kiến thức khoa học công nghệ mà ít quan tâm đến việc dạy người, nghĩa là dạy kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, văn hoá ứng xử nhằm giúp cho tâm hồn con người trở nên phong phú, có tình người. Bởi vì, đời sống con người là một lĩnh vực khá phức tạp, nó là một tập hợp tổng thể các yếu tố vật chất-tinh thần, tâm-sinh lý, xã hội-văn hoá-tâm linh. “Kiến thức kỹ thuật, tuy cần thiết đấy - Krishnamurti viết - song sẽ không có cách nào giải quyết được nội tâm chúng ta, những sức ép thuộc về tâm lý học và những cuộc tranh chấp... Con người biết chế một hạt nhân nguyên tử làm đôi, nhưng

(*) Theo từ nguyên, Giáo dục (Education) gốc từ tiếng La tinh (Educere) - sự khơi dậy tri thức từ bên trong con người.

trong tâm hồn không có tình yêu thì sẽ trở nên một quái vật” (3, tr.18). Do vậy, giáo dục nhân văn, lễ nghĩa, tình yêu thương giữa người và người như Đạo học phương Đông (Eastern Mysticism)^(*) đề xuất là việc làm không kém phần cần thiết so với việc dạy nghề, dạy kiến thức khoa học công nghệ.

Thứ hai, nền giáo dục hiện đại quá chú trọng vào tính khuôn mẫu và kỷ luật học đường mà thiếu tinh thần tự do, tính sáng tạo, nó vô tình “làm cho chúng ta quá khúm núm, máy móc và cực độ vô tâm”, trong khi đó, “đời sống không thể làm đúng theo một hệ thống, nó cũng không thể bắt ép vào một khuôn khổ... Khi chúng ta dạy dỗ con em chúng ta theo một hệ thống tư tưởng hoặc một kỷ luật đặc biệt nào đó, khi chúng ta dạy chúng suy nghĩ trong vòng những chia cách từng phần, là chúng ta đang ngăn chặn chúng trở thành những nam nữ công dân toàn vẹn, và vì lẽ ấy, chúng không có khả năng suy tưởng một cách thông minh, là đối diện với cuộc sống như một toàn thể... Sứ mệnh cao cả nhất của giáo dục là đào tạo một cá nhân hoàn bị có khả năng giao tiếp với cuộc sống như một toàn thể” (3, tr.25). Tại sao Krishnamurti lại lên tiếng phản đối tính khuôn mẫu và kỷ luật học đường trong giáo dục đến như vậy? Câu trả lời của ông chỉ có thể là: “Kỷ luật bao hàm sự đề kháng, và có bao giờ sự đề kháng mang đến tình yêu chăng? Kỷ luật chỉ có thể xây dựng những bức tường quanh chúng ta mà thôi; nó luôn luôn độc đoán. Kỷ luật không góp phần vào sự hiểu biết. Kỷ luật là một phương

pháp dễ dàng kiểm soát đứa bé, nhưng không giúp nó hiểu biết những vấn đề liên can đến cuộc sống. Một vài hình thức cưỡng bách, thưởng phạt có thể cần thiết để duy trì trong một lớp học đông, nhưng đối với một nhà giáo dục đích thực và một số học sinh ít hơn thì không cần dùng hình thức kỷ luật” bởi vì “điều tiềm ẩn trong nền giáo dục thích đáng là trau dồi tự do và trí thông minh... Chính trí thông minh mang lại trật tự chứ không phải kỷ luật” (3, tr.35).

Thứ ba, mục đích của giáo dục là hướng tới chung sống hoà bình, loại bỏ chiến tranh và lòng thù hận, để làm được việc này, theo Krishnamurti, phải loại bỏ từ gốc trong giáo dục các ý tưởng liên quan đến chiến tranh. “Mặc dù hiển nhiên chiến tranh là sự thiệt hại cho xã hội - Krishnamurti viết - nhưng chúng ta vẫn sửa soạn chiến tranh và phát triển trong giới trẻ cái tinh thần quân đội. Nhưng việc huấn luyện quân sự có bất cứ chỗ nào trong giáo dục không?... Có bao giờ chúng ta có thể đạt được hoà bình thông qua bạo động?” (3, tr.90-95). Những câu hỏi mang tính giáo dục nhân văn như vậy đang đòi hỏi loài người tiến bộ tìm lời giải đáp để thông qua đó đưa ra phương án tối ưu cho giáo dục, hướng giáo dục về một nền hoà bình vĩnh cửu.

Khi bàn về giáo dục, Krishnamurti không bỏ qua nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp trồng người - đó là nhà giáo dục. Ông khẳng định: “Vấn đề thực sự của giáo dục là nhà giáo dục” (3, tr.40). Nhà giáo dục trong cách hiểu của ông bao gồm tất cả những ai tham gia sự nghiệp trồng người, cụ thể là các bậc làm cha, làm mẹ, thầy giáo, cô giáo. Bản thân là một nhà giáo dục, Krishnamurti hiểu rằng, sự phạm là một sự nghiệp chứ không giản

(*) Theo quan niệm của người phương Tây, Đạo học phương Đông bao gồm: Nho, Phật, Lão và Ấn Độ giáo.

đơn là một nghề nghiệp, một phương kế mưu sinh, do vậy nghề nhà giáo cần một sự hiến dâng trọn vẹn, vô tư, không nghĩ đến sự đáp ơn, trả nghĩa từ phía người được giáo dục. Hơn thế nữa, người làm công việc giáo dục cũng cần có bản lĩnh vững vàng, lập trường kiên định, một lòng bảo vệ chân lý, không dao động, ngã nghiêng về phía sai lầm, không bao che cái ác, không xu thời, nịnh hót và cơ hội. Yêu cầu của ông về nhân cách nhà giáo thật là một điều đáng cho chúng ta tham khảo: “Một nhà giáo dục không chỉ là một người dâng tặng kiến thức; ông là một người vạch rõ con đường đi đến đức hạnh, đi đến chân lý. Chân lý thì còn quan trọng hơn là thầy giáo... Một thầy giáo thực sự thì không phải là người xây dựng một tổ chức giáo dục làm động lòng, cũng chẳng phải là phương tiện cho các nhà chính trị, là người bị ràng buộc vào một lý tưởng, một tín ngưỡng hay một xứ sở nào. Nhà giáo dục thực sự là người có nội tâm phong phú và do đó không hỏi han gì về mình nữa; ông không phải là người có nhiều tham vọng và không tìm kiếm quyền uy trong bất cứ hình thức nào, và do đó ông được tự do từ sự bắt buộc của xã hội và sự kiểm soát của chính quyền. Những thầy giáo như thế có một vị trí căn bản trong nền văn minh tự do, bởi vì nền văn hoá đích thực đã được dựng nên không phải ở các kỹ sư và các nhà kỹ thuật mà ở các nhà giáo dục” (3, tr.122-123). Không cần bình luận, nội dung văn bản trên đã toát lên vai trò to lớn, sự vinh quang của nghề nhà giáo, vị trí người thầy trong xã hội.

Triết lý hiện sinh của Krishnamurti là triết lý của một Bậc Đạo sư đã tích

hợp được những yếu tố tích cực của hai nền văn hoá Đông-Tây, nó có ảnh hưởng to lớn đến xã hội hiện đại không chỉ trong thế kỷ XX mà còn nhiều thế kỷ sau này. Carlo Suares nhận xét rất có lý rằng: “Thông điệp của Krishnamurti là tiếng gọi trực tiếp và dung dị gửi đến tất cả mọi người đóng góp vào việc thiết định tự do cho cuộc sống: tiếng kêu của tình yêu réo gọi tình yêu. Đây là ca khúc về cuộc sống vô ngã và vô hạn của một người đã dứt tung xiềng xích” (1, tr.29). Cái xiềng xích Carlo Suares nói ở đây không là gì khác như là “tham - sân - si” mà Đức Phật Thích Ca đã luận bàn mấy nghìn năm về trước, nếu loại trừ hay giảm thiểu được ba nhân tố này, cuộc sống con người sẽ trở nên tự do, thanh thản, nhẹ nhàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Rene Fouere. Krishnamurti, Cuộc đời và tư tưởng. Tp. Hồ Chí Minh: Văn hoá Sài Gòn, 2007.
2. <http://www.JidduKrishnamurti>.
3. J. Krishnamurti. Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống. Tp. Hồ Chí Minh: Văn hoá Sài Gòn, 2007.
4. J. Krishnamurti. Đường vào hiện sinh. H.: Lao động, 2007.
5. S. Freud, C. Jung, E. Fromm, R. Assagiou. Phân tâm học và văn hoá tâm linh. H.: Văn hoá thông tin, 2002.
6. Fritob Capra. Đạo của vật lý - một khám phá mới về sự tương đồng giữa vật lý hiện đại & đạo học phương Đông (Nguyễn Tường Bách Liên dịch). H.: Trẻ, 1999.